

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09 tháng 6 năm 2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngân và bà Trần Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT chính thức: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 512/2022/TLST- HNGĐ, ngày 13/12/2022 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về “*ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 110/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 17/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Văn Thị Nguyệt H, sinh năm 1976. Nơi cư trú: số 370, tổ 3, ấp P X (nay là Khóm PX), thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang. (đề nghị vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974. Nơi cư trú: số 370, tổ 3, ấp P X (nay là Khóm PX), thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải không được bà Văn Thị Nguyệt H có lời trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: nguyên trước đây ông bà tìm hiểu với nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên tiến tới hôn nhân và tổ chức lễ cưới cho ông bà vào năm 1998, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2000, ngày 25/01/2000. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc, về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn: lý do

chính mà bà H cho rằng vợ chồng chủ yếu về tính tình của ông H đã thay đổi, không còn phù hợp với nhau trong cuộc sống, ông H thường xuyên uống rượu về kiểm chuyện chửi mắng và đánh đập bà, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vì thương con nên bà cố gắng chịu đựng duy trì cuộc sống cho đến nay. Nhưng cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không còn chung sống với nhau thời gian khá dài, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Bà Văn Thị Nguyệt H cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung, tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/7/1999 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và Nguyễn Hiếu H, sinh ngày 12/11/2005 đang sống với bà H, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về quan hệ tài sản chung: bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử nên không có lời trình bày.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn H được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Nguyễn Văn H vẫn vắng mặt căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Văn Thị Nguyệt H và ông Nguyễn Văn H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân không hàn gắn được phù hợp với xác nhận của ông Ngô Thanh S là Trưởng Khóm PX xác nhận ông H không có mặt thường xuyên tại địa phương một thời gian, không biết đi làm gì ở đâu, phù hợp với lời khai của bà H vợ chồng không có chung sống với nhau nên yêu cầu của bà H về xin ly hôn là có căn cứ pháp luật. Về con chung có 02 người con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/7/1999 đã trưởng thành không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết và Nguyễn Hiếu H, sinh ngày 12/11/2005 đang sống với bà H nên cần ổn định cuộc sống cho cháu H, phù hợp với nguyện vọng cháu H muốn sống với bà H, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H được tiếp tục nuôi con chung. Bà Văn Thị Nguyệt H chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Bà Văn Thị Nguyệt H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974. Nơi cư trú: số 370, tổ 3, ấp P X (nay là Khóm PX), thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

1.3 Về thủ tục tố tụng: bị đơn ông Nguyễn Văn H được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Nguyễn Văn H vẫn vắng mặt tại phiên tòa; bà H có đề nghị vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn H và bà Văn Thị Nguyệt H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn H và bà Văn Thị Nguyệt H có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 01/2000, ngày 25/01/2000 do UBND thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang cấp cho ông bà) đây là hôn nhân được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, hôn nhân của ông bà được xác lập từ năm 1998 trên cơ sở tìm hiểu nhau tiến tới hôn nhân, thời gian có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân, lý do chính mà bà H cho rằng vợ chồng chủ yếu về tính tình của ông H đã thay đổi, không còn phù hợp với nhau trong cuộc sống, ông H thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập bà, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vì thương con nên bà cố gắng chịu đựng duy trì cuộc sống với ông H một thời gian cho đến nay. Từ những lý do trên nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời từ khi ly thân cho đến nay, cũng như từ khi Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của bà H phía ông H biết nhưng không có thiện chí hàn gắn tình cảm; không còn quan tâm về hôn nhân này, trước đây bà H có yêu cầu ly hôn tại Tòa án 01 lần ông H, bà H cũng được hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng hôn nhân cũng không đạt được nay bà cương quyết yêu cầu ly hôn với ông H; cũng phù hợp với xác nhận của ông Ngô Thanh S là Trưởng Khóm PX xác định ông H không có mặt thường xuyên tại địa phương, không biết đi làm gì, ở đâu nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống bà H xác nhận có 02 người con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/7/1999 đã trưởng thành không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết và Nguyễn Hiếu H, sinh ngày 12/11/2005 đang sống với bà H. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung tên Nguyễn Hiếu H đến trưởng thành và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con theo

quy định. Từ khi ly thân cho đến nay con chung sống với bà H được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định và ăn học đầy đủ như bao đứa trẻ khác; phù hợp với nguyện vọng của cháu H là muốn chung sống với bà H. Từ đó, xét thấy hoàn cảnh và điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chưa thành niên của bà H là đảm bảo, cần giữ ổn định cuộc sống cho cháu H nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của bà H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hiếu H theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đồng thời bà H cũng không có yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ, chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí DSST: bà Văn Thị Nguyệt H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: bà Văn Thị Nguyệt H và ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị Nguyệt H đối với ông Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Văn Thị Nguyệt H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ con chung:

2.1 Giao 01 người con chung tên Nguyễn Hiếu H, sinh ngày 12/11/2005 cho bà Văn Thị Nguyệt H được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc đến

thành niên và tự lập được. Ông Nguyễn Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

2.2 Bà Văn Thị Nguyệt H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi ông Nguyễn Văn H đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Bà Văn Thị Nguyệt H phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do bà Văn Thị Nguyệt H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005874, ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

2.2 Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí.

Bà Văn Thị Nguyệt H và ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Thuận